

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nông.

2. Bà Nguyễn Thị Vân Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 729/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị B, sinh năm 1977; thường trú: Thôn 11, xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Tổ 6, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn T, sinh năm 1975; thường trú: Thôn 11, xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Tổ 6, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3. *Người làm chứng:* Cao Thị H, sinh năm 1999; thường trú: Thôn 11, xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Tổ 6, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị B đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Cao Văn T tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01, ngày 02/12/1998.

Sau khi kết hôn, chị N và anh T sinh sống tại thôn 11, xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh. Đến năm 2001, anh chị chuyển đến sinh sống, tạm trú tại tổ 6, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương cho đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn phụ giúp gia đình, không chăm lo cho các con, hay ăn chơi, bài bạc, cá độ. Từ năm 2011 đến nay, anh T hay bỏ nhà đi đâu không rõ, lâu lâu mới về nhà một lần, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị B và anh T có 02 con chung là Cao Thị H, sinh ngày 12/7/1999 và Cao Văn C, sinh ngày 14/6/2004. Sau khi ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Cao Văn C và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Cao Thị H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về giao người nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Chị B chịu theo quy định pháp luật.

- Quá trình tố tụng, bị đơn anh Cao Văn T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập làm việc để làm bản tự khai, cung cấp chứng cứ vào ngày 07/8/2018; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/8/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 11/9/2018 và ngày 28/9/2018, nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 20/7/2018 tại UBND phường T thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường T không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng và về vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Phan Thị B và anh Cao Văn T, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

- Tại bản tự khai ngày 17/7/2018, con anh T, chị B là Cao Văn C, sinh ngày 14/6/2004 có ý kiến: Tôi là con ruột của ông Cao Văn T và bà Phan Thị B. Nếu ba mẹ tôi ly hôn, tôi xin được sống với mẹ.

- Lời khai của người làm chứng Cao Thị H: Tôi là con ruột của bố Cao Văn T, mẹ Phan Thị B, hiện đang sinh sống, tạm trú cùng với bố mẹ và em trai Cao Văn C tại tổ 6, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Mẹ tôi làm

nghề may gia công tại nhà, thu nhập hơn 10.000.000 đồng/tháng, bố tôi làm gì thì tôi không rõ vì ít khi ở nhà, lâu lâu mới thấy về một lần, mọi việc ở nhà đều do mẹ chăm sóc, lo cho chị em tôi ăn uống, học hành. Quá trình chung sống tôi thấy bố mẹ tôi lúc đầu cũng hạnh phúc, thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn, lâu lâu cũng cãi nhau, lý do là bố tôi không phụ giúp gia đình, không chăm lo cho các con, hay bỏ nhà đi đâu nhiều ngày mới về, mẹ tôi khuyên nhủ nhiều lần nhưng bố tôi không thay đổi, việc này diễn ra khoảng năm 2011 đến nay. Nay mẹ tôi nộp đơn xin ly hôn với bố tôi, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Riêng tôi đã thành niên nên quyết định sống với mẹ để phụ giúp mẹ lo cho em.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Phan Thị B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Cao Văn T được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị B và anh T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2011 cho đến nay, tình cảm không còn nên không thể hàn gắn. Do đó, chị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ. Về con chung, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Cao Văn C và tự nguyện không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đối với con chung là Cao Thị H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B có thu nhập đảm bảo việc nuôi con nên yêu cầu này của chị là phù hợp. Mặt khác, nếu anh chị ly hôn, nguyện vọng của cháu Cao Văn C xin được sống với mẹ. Thực tế anh T không thường xuyên ở nhà, cũng không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Phan Thị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Cao Văn T và được nuôi con chung nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Cao Văn T được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị B và anh Cao Văn T là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 02/12/1998 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị B xác định trong quá trình chung sống với anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Từ năm 2011 đến nay, anh T không ở nhà thường xuyên, lâu lâu mới về nhà một lần, không phụ giúp chị chăm lo cho con, mặc dù chị B đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị B trình bày những mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Do tình trạng mâu thuẫn kéo dài từ năm 2011 đến nay nên chị B xác định không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân và không còn tình cảm với anh T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh T cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa anh và chị B. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị B và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phan Thị B và anh Cao Văn T có 02 con chung là Cao Thị H, sinh ngày 12/7/1999 và Cao Văn C, sinh ngày 14/6/2004. Sau khi ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Cao Văn C và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Cao Thị H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị B. Xét trong thời kỳ hôn nhân anh T cũng không phụ giúp chị B chăm lo cho các con, mặt khác anh T không thường xuyên ở nhà. Chị B làm nghề may gia công ở nhà nên cũng đảm bảo thời gian chăm sóc con và thu nhập của chị cũng đảm bảo lo cho con. Do đó, yêu cầu của chị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con, có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị Phan Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Phan Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị B đối với bị đơn anh Cao Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị B được ly hôn với anh Cao Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 02/12/1998 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh cấp).

- Về con chung: Giao con chung tên Cao Văn C, sinh ngày 14/6/2004 cho chị Phan Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị B không yêu cầu anh Cao Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Phan Thị B và anh Cao Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chung chưa thành niên; không ai được lạm dụng việc thăm nom cản trở các quyền này. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung, nợ chung về tài sản: Chị Phan Thị B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Phan Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019758 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã C,
huyện X, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng